HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 45/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 36

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 chi tiết theo Biểu 02/CMĐ.HĐ và các Biểu 2.1 đến Biểu 2.11 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó chịu trách nhiệm về sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan, về đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất được cấp có thẩm quyền phân bổ và các thông tin, số liệu làm cơ

sở để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án tại Điều 1 Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 6 năm 2025.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 36 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 02/CMĐ.HĐ:

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên huyện	Số lượng công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Trong đó				Ghi chú
					Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)	
1	Ba Tơ	17	74,35	74,35	6,09	0,83	12,5	39,19	Biểu 2.1
2	Minh Long	1	30,66	21,15	1,59			19,56	Biểu 2.2
3	Sơn Hà	1	10,06	10,06	0,4			5,01	Biểu 2.3
4	Sơn Tây	1	15,00	15,00				9,09	Biểu 2.4
5	Trà Bồng	3	62,8	15,73				1,52	Biểu 2.5
6	Sơn Tịnh	3	107,6	107,1	18,13				Biểu 2.6
7	Bình Sơn	9	13,81	13,86	1,21		1,93	9,09	Biểu 2.7
8	Mộ Đức	5	2,71	2,71	0,84			0,14	Biểu 2.8
9	Tư Nghĩa	3	31,54	8,14	0,39			6,5	Biểu 2.9
10	Nghĩa Hành	17	34,01	34,01	8,76	0,03			Biểu 2.10
11	Quảng Ngãi	1	1,54	1,54	0,6				Biểu 2.11
	Tổng	**61**	**443,34**	**320,50**	**38,24**	**0,86**	**14,43**	**90,67**	

Biểu 2.1

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
A	**Trong ngân sách**														
1	Khắc phục hậu quả thiên tai Cống thoát nước tại tuyến đường UBND xã Ba Giang đi tổ Gò Lút, Gò Xuyên thuộc thôn Ba Nhà	24,90	24,90		0,1	0,1			2,5	22,3		Ba Giang	Tờ bản đồ xã Ba Giang	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
2	Cầu Nước Đen	0,62	0,62		0,30003	0,3	0,00003					Ba Vì	Tờ 5 (1/5000) và tờ 27, 33, 34 (1/1000) xã Ba Vì	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
3	Cầu Nước Vai	0,79	0,79		0,16	0,09	0,07					Ba Vì	Tờ 5 (1/5000) và tờ 6, 12 (1/1000) xã Ba Vì	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
4	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cành	1,54	1,54		0,02	0,02						Ba Vì	Tờ 10 (1/5000) và tờ 33, 34, 40 (1/1000) xã Ba Vì	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
5	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	1,38	1,38		0,02	0,02						Ba Vì, Ba Tiêu	Tờ 5 (1/5000) và tờ 6 (1/1000) xã Ba Vì; Tờ 9 (1/5000) và tờ 59 (1/1000) xã Ba Tiêu	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
6	Cầu - Đường: Gò Loa đi Ma Nghít	0,64	0,64		0,40	0,28	0,12					Ba Cung	Tờ 31 (1/1000) xã Ba Cung	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
7	Cầu Pa Ranh	0,32	0,32		0,02	0,01	0,01					Ba Vì	Tờ 16, 22 (1/1000) xã Ba Vì	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
8	Đập KLăng 2	0,22	0,22		0,06	0,06				0,01		Ba Nam	Tờ 5 (1/5000) và tờ 17 (1/1000) xã Ba Nam	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của HĐND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
9	Đập Nước Manh	0,41	0,41		0,11	0,1	0,01			0,05		Ba Động	Tờ 4 (1/5000) và tờ 41, 47 (1/1000) xã Ba Động	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của HĐND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
10	Khu TĐC Tổ 6 thôn Gò Khôn	3,47	3,47							3,3		Ba Giang	Tờ 13 (1/5000) và tờ 26 (1/1000) xã Ba Giang	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
11	Khu TĐC tập trung Tổ Sa Lung, thôn Cây Muối, xã Ba Trang	4,21	4,21							2,2		Ba Trang	Tờ 15 (1/5000) và tờ 97, 98 (1/1000) xã Ba Trang		Đăng ký mới
12	Đường Ba Tơ đi thôn Cây Muối xã Ba Trang	14,33	14,33		0,02	0,02			2,1	5,2		Ba Trang, Ba Khâm	Tờ số 69,70,80,81,101,102, 109,110 (1/1000) và 07, 08, 16, 24, 27 (1/5000) và mảnh số 10-632596 (1/1000) xã Ba Trang; Tờ số 69 (1/5000) và mảnh số 10-632596 (1/1000) xã Ba Khâm	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
13	Khu tái định cư tập trung Tổ Đèo Ái, thôn Nước Đang, xã Ba Trang	4,70	4,70		0,70	0,70			2,60			xã Ba Trang	Tờ 17 (1/5000) và tờ 58,59 (1/1000) xã Ba Trang	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
14	Khu tái định cư tổ 4 thôn Nước Lăng, xã Ba Xa	5,42	5,42							5,30		xã Ba Xa	Tờ 05 (1/5000) và tờ 48 (1/1000) xã Ba Xa	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Ba Tơ	Đăng ký mới
15	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô	3,50	3,50							2,92		Xã Ba Tô	Tờ 37, 51 (1/1000) và tờ 09 (1/5000) xã Ba Tô	QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS và miền núi huyện Ba Tơ	Đăng ký mới Đã hoàn thành thu hồi đất, thông qua danh mục đất đất rừng sản xuất để chuyển mục đích, giao đất
B	**Ngoài ngân sách**														
16	Dự án thủy điện Long Sơn (theo quy mô công suất 18MW)	0,04	0,04		0,02	0,02				0,01		xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Quyết định Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 1); Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Ba Tơ; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Ba Tơ.	Đăng ký mới, Bổ sung đường dây đấu nối 22kV
17	Dự án Khu dân cư đô thị mới Ba Tơ	7,86	7,86		4,95	4,33	0,62					Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	Tờ bản đồ địa chính số 2, 5, 6, và 7 thị trấn Ba Tơ	Quyết định Chủ trương đầu tư số 67/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 22/11/2024.	Đăng ký mới
	Tổng cộng:	**74,35**	**74,35**		**6,88**	**6,05**	**0,83**		**7,20**	**41,29**					

Biểu 2.2

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
A	**Trong ngân sách**														
B	**Ngoài ngân sách**														
1	Dự án thủy điện Long Sơn (theo quy mô công suất 18MW)	30,66	21,15		1,59	1,59				19,56		xã Long Môn	Tờ bản đồ địa chính số 11 xã Long Môn	Quyết định Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 1); Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Minh Long.	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích và cho thuê là 9,52 ha; Nay điều chỉnh tăng quy mô diện tích dự án
	Tổng cộng:	**30,66**	**21,15**		**1,59**	**1,59**				**19,56**					

Biểu 2.3

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
A	**Trong ngân sách**														
B	**Ngoài ngân sách**														
1	Dự án thủy điện Long Sơn (theo quy mô công suất 18MW)	10,06	10,06		0,40	0,40				5,01		xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba	Tờ bản đồ số 12 và tờ bản đồ số 13 huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 1); Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Sơn Hà; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Hà.	có trong Nghị quyết số 14/2025/NQ9-HĐND ngày 02/4/2025 là 7,86ha
	Tổng cộng:	**10,06**	**10,06**		**0,40**	**0,40**				**5,01**					

Biểu 2.4

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
1	Công trình: Đường Sơn Tân - Sơn Mùa (ĐH.86)	15,00	15,00							9,09		Bản đồ được chỉnh lý và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 6 tỷ lệ 1/5000 xã Sơn Tân; tờ bản đồ địa chính số 11 và tờ số 12 đất Lâm Nghiệp: xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.	Bản đồ được chỉnh lý và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 6 tỷ lệ 1/5000 xã Sơn Tân; ờ bản đồ địa chính số 11 và tờ số 12 đất Lâm Nghiệp: xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.	Nghị quyết 24/2021/QH15 Phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG GNBV giai đoạn 2021-2025. Căn cứ Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Sơn Tây về việc giao và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Sơn Tây	
	Tổng cộng:	**15,00**	**15,00**							**9,09**					

Biểu 2.5

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN TRÀ BỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(17)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngã 3 Thành Sương đi TL 626 xã Hương Trà (giai đoạn 2)	16,40	2,00							0,90		xã Hương Trà	Thuộc tờ BĐĐC số 04, 05 tỷ lệ 1/5000 và tờ số 09 tỷ lệ 1/2000 (BĐ 245)	Quyết định quyết số 3305/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án khởi công mới năm 2022 thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	Không ảnh hưởng đến đất rừng tự nhiên sản xuất
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngã 3 Thành Sương đi TL 626 xã Hương Trà (giai đoạn 1)	16,40	3,90							0,29		xã Hương Trà	Tờ bản đồ số 07, 08, 10, 11 (1/5000) và Tờ bản đồ số 04, 09 (1/2000)	Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngã 3 Thành Sương đi TL 626, xã Hương Trà (giai đoạn 1); Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 15/03/2023 của UBND huyện Trà Bồng về giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.	Không ảnh hưởng đến đất rừng tự nhiên sản xuất
3	Tuyến đường từ cây Chò đi Trà Nham	30,00	9,83							0,33		xã Trà Tân, xã Hương Trà	Tờ BĐĐC số 07, 08 tỷ lệ 1/2000 xã Trà Nham (cũ) (BĐ 245), nay là xã Hương Trà và Tờ BĐĐC số 02, 07, 08, 11, 12, 13, 14, 20,21 tỷ lệ 1/1000 xã Trà Tân.	Quyết định số 4943/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc bố trí vốn cho các danh mục dự án khởi công mới năm 2022	Đăng ký phần diện tích đất rừng sản xuất là rừng trồng sang mục đích khác nằm ngoài quy hoạch đất rừng tự nhiên sản xuất
B	**Ngoài ngân sách**														
	Tổng cộng	**62,80**	**15,73**	**-**	**-**	**-**				**1,52**					

Biểu 2.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH *(ha)*	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, bản bản bố trí vốn,..)	Ghi chú
						Trong đó									
					Diện tích (ha)	LUC	LUK			Diện tích (ha)	Rừng tự nhiên (RSN)				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
1	Điểm dân cư số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình	0,60	0,10	0,00		0,10						Xã Tịnh Bình	Tờ bản đồ số 17	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 về chủ trương đầu tư Dự án Điểm dân cư số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình; Nghị quyết số 382/NQ-HĐND ngày 15/9/2022 của HĐND huyện Sơn Tịnh Điều chỉnh chủ trương đầu tư (tổng mức đầu tư) Dự án: Điểm dân cư số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình; QĐ 3079/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 Tổng diện tích 0,6ha, đã thu hồi 0,5ha
B	**Ngoài ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
2	Cụm công nghiệp Bình Thọ	70,00	70,00		0,00	0,00				20,19		Xã Tịnh Bình và Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 15, 16, 17, 23, 24 xã Tịnh Bình và 36, 37, 43 xã Tịnh Thọ	Thông báo số 224/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hoàng Giang tại cuộc họp để nghe báo cáo và đề xuất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bình Thọ, huyện Sơn Tịnh	
3	Dự án Khu đô thị River View, thị trấn Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.	37,00	37,00		18,03	18,03						thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 25, 26 và 27	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định danh mục các khu đất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2)	
	Tổng cộng:	**107,60**	**107,10**	**-**	**18,03**	**18,13**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**				

Biểu 2.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Thới, huyện Bình Sơn	0,20	0,2	0,2						0,13		thị trấn Châu Ổ	Tờ bản đồ số 04, thị trấn Châu Ổ	*Để hoàn thiện thủ tục đất đai đảm bảo điều kiện lập hồ sơ thuê đất, bổ sung hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 3583/UBND-KTN ngày 19/7/2024 và yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 1900/VPCP-ĐMDN ngày 10/3/2025*	
2	Dự án thao trường bắn của Ban chỉ huy Quân sự	3,93	3,93	3,93						4,5		xã Bình Phước	Tờ 86 và 87 xã Bình Phước		
3	QH đất quốc phòng (Trận địa PPK S1)	1,52	1,52	1,52					1,28			xã Bình Trị	Tờ 34 xã Bình Trị		
4	QH đất quốc phòng (Trận địa PPK S3)	0,36	0,36	0,36						0,36		xã Bình Trị	Tờ 45 và 58 xã Bình Trị		
5	QH đất quốc phòng (Trận địa PPK S4)	1,25	1,25	1,25					0,65			xã Bình Trị	Tờ 11 xã Bình Trị		

6	Trạm y tế xã Bình Tân Phú	0,41	0,41	0,41		0,21						xã Bình tân Phú	tờ 121	Quyết định số 4405/QĐ-BSR ngày 17/7/2023 của Tổng giám đốc Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn về việc phê duyệt kinh phí tài trợ Uỷ ban Nhân dân xã Bình Tân Phú (địa chỉ: xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) để xây dựng Trạm Y tế xã Bình Tân Phú;	Danh mục thu hồi có trong KHSD đất năm 2025 tại quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025
7	Đường xã tuyến nhà ông Lê Văn Linh - Hồ Chứa Nước.	0,6	0,6		0,33	0,3	0,03					xã Bình Phước	Các tờ bản đồ thuộc xã Bình Phước	- Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật; - Quyết định vốn: 2159/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	
B	**Ngoài ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
8	Trạm biến áp 220kV Dung Quất 2 và đường dây 220kV Dung Quất - Dung Quất 2	5,50	5,50		1,0	1,0				3,6		Xã Bình Đông, xã Bình Trị và xã Bình Thuận	Các tờ bản đồ tại xã Bình Thuận, Bình Trị và Bình Đông	Quyết định chấp thuận thủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 41/QĐ-BQL ngày 28/02/2025 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	
9	Tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 220kV Dung Quất 2 đến Trạm biến áp 110kV Thép Hòa Phát 2	0,69	0,69							0,5		Xã Bình Đông	Các tờ bản đồ tại xã Bình Đông	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 108/QĐ-BQL ngày 18/6/2021 (điều chỉnh lần thứ 1 tại Quyết định số 364/QĐ-BQL ngày 30/12/2021, điều chỉnh lần thứ 2 tại Quyết định số 26/QĐ-BQL ngày 15/02/2023, điều chỉnh lần 3 tại Quyết định số 269/QĐ-BQL ngày 18/7/2023), Công văn số 1601/BQL-QLĐT ngày 19/6/2023 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
	Tổng cộng:	**13,86**	**13,86**	**7,67**	**1,00**	**1,21**			**1,93**	**9,09**					

Biểu 2.8

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	0,21	0,21	0,00	0,15	0,15						Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 30 xã Đức Lân	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn bổ sung giai đoạn 2019-2020 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2020	Dự án đăng ký CMĐ sử dụng đất mới
2	Nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức	0,09	0,09	0,00					0,002	0,01		Xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 7, 8 và 9 xã Đức Chánh	Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chi tiết nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 (bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023); Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2024 sang năm 2025 (đợt 1)	Dự án đăng ký CMĐ sử dụng đất mới
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	0,13	0,13	0,00	0,06	0,06						Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 16, 23 xã Đức Phú	Quyết định số 1184a/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức; Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	KH 2022, NQ số 25/2022/NQ-HĐND, ngày 30/9/2022 (trong đó: đất LUC 0,06 ha). Đến nay dự án chưa chuyển mục đích sử dụng đất lúa
4	Tuyến đường Chợ mới - Tân Phong (Giai đoạn 3)	2,07	2,07	0,00	0,52	0,52				0,13		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 25, 26, 27 xã Đức Lân	Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (giai đoạn 3); Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Mộ Đức	Dự án đăng ký CMĐ sử dụng đất mới (KH 2023)
5	Tuyến đường Chợ Văn Bân – Xe Bò (giai đoạn 2)	0,21	0,21	0,00	0,11	0,11						Xã Đức Nhuận	Tờ bản đồ số 15 xã Đức Nhuận	Quyết định số 17327/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường Chợ Văn Bân - Xe Bò (giai đoạn 2); Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Mộ Đức	Dự án đăng ký CMĐ sử dụng đất mới (KH 2023)
B	**Ngoài ngân sách**														
	Tổng cộng: 05 CT	**2,71**	**2,71**		**0,84**	**0,84**				**0,14**					

Biểu 2.9

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(17)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
B	**Ngoài ngân sách**														
1	Mỏ đá An Hội (phần mở rộng diện tích khai thác)	29,90	6,50							6,50		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 35 xã Nghĩa Kỳ	Giấy phép khai thác khoáng sản số 39/GP-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
2	Đường Trương Quang Giao, huyện Tư Nghĩa	0,92	0,92		0,26	0,26						thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 16, 17, 21, 22 thị trấn La Hà	Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường Trương Quang Giao, huyện Tư Nghĩa	
3	Hoàn trả dãy lớp học phía Nam trường THPT số 1 Tư Nghĩa	0,72	0,72		0,39	0,39						thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 17 thị trấn La Hà	Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường Trương Quang Giao, huyện Tư Nghĩa	
	Tổng cộng:	**31,54**	**8,14**		**0,39**	**0,39**				**6,50**					

Biểu 2.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**TRONG NGÂN SÁCH**														
1	Trường Mầm non xã Hành Thuận	0,18	0,18		0,18	0,18						xã Hành Thuận	Thửa đất số 137, 138, 160, 161 tờ bản đồ số 11	Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019	Công trình đăng ký mới
2	Khu di tích lịch sử chiến thắng Hành Thịnh	0,3	0,3		0,3	0,3						xã Hành Thịnh	Tờ bản đồ số 8	Nguồn vốn đã bồi thường cao tốc	Công trình đăng ký mới
3	Quy hoạch trung tâm văn hóa, nhà văn hóa xã Hành Thịnh	0,6	0,6		0,6	0,6						xã Hành Thịnh	Tờ bản đồ số 8, 32	Nguồn vốn đã bồi thường cao tốc	Công trình đăng ký mới
4	Mở rộng trường tiểu học xã Hành Minh	0,24	0,24		0,05	0,05						xã Hành Minh	Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 8	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương.	Công trình đăng ký mới
5	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	2,42	2,42		1,23	1,23						xã Hành Dũng; thị trấn Chợ Chùa	Tờ BĐ 2, 3, 6, 12 xã Hành Dũng; Tờ số 5 thị trấn Chợ Chùa	Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	KH 2022
6	Nhà văn hóa xã Hành Thuận	0,26	0,26		0,26	0,26						xã Hành Thuận	Tờ bản đồ số 11	Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 của UBND tỉnh về việc phân khai kế hoạch vốn trái phiếu chính phủ năm 2014 thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND Ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện thu hồi đất của một số công trình và thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2023
7	Trường mầm non xã Hành Trung - Điểm trường Hiệp Phổ Tây	0,15	0,15		0,15	0,15						xã Hành Trung	Thửa đất số 327, 249, 248, 235 tờ bản đồ số 13	Thông báo số 59/TB-UBND ngày 11/5/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thông báo thu hồi một phần diện tích của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng Trường mần non xã Hành Trung - Điểm trường Hiệp Phổ Tây; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng Trường mần non xã Hành Trung - Điểm trường Hiệp Phổ Tây; Công văn 879/UBND ngày 10/7/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc đề nghị giao đất cho UBND xã Hành Trung để xây dựng công trình Trường mần non xã Hành Trung - Điểm trường Hiệp Phổ Tây; Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh đợt 2 năm 2015 để trả nợ các dự án hoàn thành và hỗ trợ các dự án chuyển tiếp đề án Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao nhiệm vụ quản lý, thực hiện đầu tư các Trường Mầm non thuộc Đề án phổ cập giáo dục Mầm Non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giao đoạn 2012-2015 Căn cứ Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2016
8	Nhà văn hóa thôn Hiệp Phổ Tây	0,13	0,13		0,13	0,13						xã Hành Trung	Thửa đất số 293, 294 tờ bản đồ số 13	Thông báo số 60/TB-UBND ngày 15/5/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thông báo thu hồi một phần diện tích của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng Nhà văn hóa Hiệp Phổ Tây; Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng Nhà văn hóa Hiệp Phổ Tây; Công văn 804/UBND ngày 29/6/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc đề nghị giao đất cho UBND xã Hành Trung để xây dựng công trình Nhà văn hóa Hiệp Phổ Tây; Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 và vốn huy động của xã thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Căn cứ Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2016

9	Khu trung tâm hành chính xã Hành Tín Tây	1,03	1,03		0,95	0,92	0,03					xã Hành Tín Tây	Thửa đất số 180, 198, 671 tờ bản đồ số 11 Thửa đất số 105, 127, 140, 141, 142, 148, 149, 163, 164, 166, 176, 177, 178, 179, 180, 186, 187, 188, 190, 198, 345, 346, 150 tờ bản đồ số 12	Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn chính thức từ nguồn vốn vượt thu năm 2019 (Vượt thu từ tiền sử dụng đất) để thực hiện dự án khởi công mới (lần 3) Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 17 về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2023
10	Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	1,48	1,48		0,86	0,86						Xã Hành Nhân	Tờ bản đồ số 3, 4, 11 và 26 xã Hành Nhân	Quyết định 1909/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành v/v điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021(lần 1) Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND Ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện thu hồi đất của một số công trình và thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
11	Nhà văn hóa thôn Phước Lâm, xã Hành Nhân	0,11	0,11		0,11	0,11						Xã Hành Nhân	Tờ 4	-Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung một số danh mục công trình thuộc kế hoạch vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018. -Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018. -Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 04/04/2018 về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018 Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2019
12	Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành, hạng mục: Khu tái định cư tại xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	1,76	1,76		1,00	1,00						Xã Hành Thuận	Tờ bản đồ địa chính số 3, 4, 11, 12 xã Hành Thuận	Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND Ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện thu hồi đất của một số công trình và thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
13	Đầu tư khẩn cấp dự án tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng tại bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt Nghĩa Kỳ	0,86	0,86		0,32	0,32						Xã Hành Thuận	Tờ bản đồ địa chính số 3, 11 xã Hành Thuận	Quyết định số 2656 đến 2678/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi đất Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2023
14	Trường mầm non xã Hành Thiện	0,42	0,42		0,38	0,38						xã Hành Thiện	Tờ bản đồ số 15	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh phân bổ ngân sách tỉnh đợt 2 năm 2015 để trả nợ các dự án hoàn thành và hỗ trợ các dự án chuyển tiếp Đề án Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ e 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015 Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND Ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	KH 2016
B	**NGOÀI NGÂN SÁCH**														
15	Cửa hàng xăng dầu Phước Thịnh 1	0,12	0,12		0,11	0,11						Xã Hành Thiện	Tờ bản đồ số 15	Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 14/4/2022; điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	Công trình đăng ký mới
16	Cửa hàng xăng dầu Phước Thịnh 3	0,25	0,25		0,25	0,25						Xã Hành Thịnh	Tờ bản đồ số 33	Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29/4/2022; điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 28/11/2023.	Công trình đăng ký mới
17	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	23,70	23,70		1,91	1,91						xã Hành Đức và xã Hành Minh	Tờ bản đồ số 13, xã Hành Đức; Tờ bản đồ số 14, 17 và 18 xã Hành Minh	Quyết định chủ trương đầu tư số 1067/QĐ-UBND ngày 28/9/2022; điều chỉnh tại các Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 31/01/2023; số 241/QĐ-UBND ngày 06/4/2023; số 708/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
	Tổng cộng: 17 CT	**34,01**	**34,01**		**8,79**	**8,76**	**0,03**								

Biểu 2.11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**TRONG NGÂN SÁCH**														
B	**NGOÀI NGÂN SÁCH**														
1	Trung tâm vật liệu xây dựng - Khu trưng bày ô tô, xe máy và xưởng bảo hành, bảo trì, sửa chữa - Cho thuê kho bãi	1,54	1,54		0,60	0,60						phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 9, 10, 13 và 14	QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự án và QĐ số 303/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 về chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
	Tổng cộng	**1,54**	**1,54**		**0,60**	**0,60**									